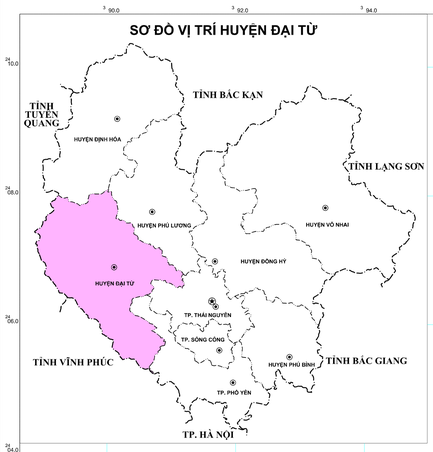
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030

HUYỆN ĐẠI TỪ - TỈNH THÁI NGUYÊN



HUYỆN ĐỊNH HÓA

HUYỆN PHÚ LƯƠNG

TỈNH TUYÊN QUANG

TP. THÁI NGUYÊN

TỈNH VĨNH PHÚC

TP. PHỔ YÊN

CHÚ DẪN

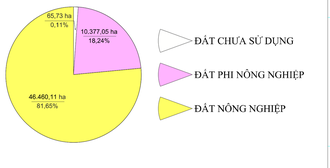
TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Đất trồng lúa	LUA	
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	MÃ HT HNK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	MÃ HT CLN
Đất rừng phòng hộ	RPH	MÃ HT RPH
Đất rừng đặc dụng	RDD	MÃ HT RDD
Đất rừng sản xuất	RSX	MÃ HT RSX
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	MÃ HT NTS
Đất nông nghiệp khác	NKH	MÃ HT CNT
Đất quốc phòng	CQP	MÃ HT CQP
Đất an ninh	CAN	MÃ HT CAN
Đất cụm công nghiệp	SKN	MÃ HT SKN
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	MÃ HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	MÃ HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	MÃ HT SKS
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	MÃ HT SKX
Đất giao thông	DGT	MÃ HT DGT
Đất thủy lợi	DTL	MÃ HT DTL
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	MÃ HT DVH
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	MÃ HT DYT
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	MÃ HT DGD
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	MÃ HT DTT
Đất công trình năng lượng	DNL	MÃ HT DNL
Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	
Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	MÃ HT DKG
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	MÃ HT DDT
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	MÃ HT DDL
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	MÃ HT DRA
Đất cơ sở tôn giáo	TON	MÃ HT TON

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	MÃ HT NTD
Đất chợ	DCH	MÃ HT DCH
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	MÃ HT DSH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	MÃ HT DKV
Đất ở tại nông thôn	ONT	MÃ HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	MÃ HT ODT
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	MÃ HT TSC
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	MÃ HT DTS
Đất tín ngưỡng	TIN	MÃ HT TIN
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	MÃ HT PNK
Đất chưa sử dụng	CSD	
Thủy hệ và các đối tượng liên quan		
Sông, suối, hồ, ao		
Kênh, mương		
Đập		
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyển trồng cây công nghiệp lâu năm)		
Ranh giới khu làm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)		
Ranh giới khu du lịch		
Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)		
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ		

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
Địa giới hành chính		
Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định		
Địa giới hành chính cấp huyện xác định		
Địa giới hành chính cấp xã xác định		
Ranh giới khoanh đất		
Đối tượng kinh tế, văn hóa, xã hội		
Trụ sở UBND cấp tỉnh		
Trụ sở UBND cấp huyện		
Trụ sở UBND cấp xã		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Sân vận động		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Giao thông và các đối tượng liên quan		
Quốc lộ	37	37
Đường tỉnh cải tạo, nâng cấp	270	270
Đường tỉnh xây dựng mới	270C	270C
Đường huyện		
Đường liên xã		
Đường sắt		
Đường đất nhỏ		
Cầu sắt		
Cầu bê tông		
Cầu treo		
Cầu tre, gỗ		
Địa hình		
Đỉnh độ cao và ghi chú độ cao đỉnh độ		
Điểm độ cao, ghi chú độ cao		123.5

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 56.902,89 ha)



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2023	*Thái Nguyên, ngày ..... tháng ..... năm 2023*	*Đại Từ, ngày ..... tháng ..... năm 2023*	*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2023*

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên.
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Đại Từ;
- Bản đồ quy hoạch các công trình, dự án, bản đồ quy hoạch chung xây dựng các xã, huyện Đại Từ;
- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng huyện Đại Từ;
- Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

TỶ LỆ 1 : 25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Việt Khôi